

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/DS-ST.

Ngày: 17-7-2018.

V/v tranh chấp hui.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Vinh.

Bà Võ Thị Kim Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng- Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2018, về việc “Tranh chấp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 5 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2018/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phùng Văn D, sinh năm 1965, địa chỉ: Số nhà 22, ấp L, xã Th, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1968, địa chỉ: Số nhà 309/5, ấp Tr, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Phùng Văn D trình bày trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Ngày 15 tháng 7 năm 2013, bà Ch tham gia 2 phần hui do ông D làm chủ hui, hui 500.000 đồng/tháng, hui gồm 36 phần. Bà Ch đóng được 01 lần hui sống của phần 01 và hót hui vào kỳ hui thứ 02 là ngày 15 tháng 8 năm 2013. Ngày 15 tháng 11 năm 2013, bà Ch hót tiếp phần thứ 02 của dây hui này. Sau khi hót 02 phần hui của dây hui này, bà Ch đóng hui chết đến ngày 15 tháng 7 năm 2014 thì bà Ch không đóng nữa. Bà Ch còn nợ lại 23 phần hui chết của dây hui này với số tiền là 23.000.000 đồng.

Ngày 15 tháng 8 năm 2013, bà Ch tiếp tục tham gia 01 phần hội do ông D làm chủ hội, hội 500.000 đồng/tháng, hội gồm 32 hội viên. Đến ngày 15 tháng 11 năm 2014, bà Ch hót hội với số tiền là 13.800.000 đồng, ông D đóng thay cho bà Ch 04 lần nên ông D lấy lại 2.000.000 đồng và giao cho bà Ch 11.800.000 đồng. Sau khi hót hội, bà Ch không lấy tiền mà để trừ qua những phần hội mà bà Ch còn nợ của dây hội ngày 15 tháng 7 năm 2013, bà Ch còn nợ lại tiền hội chết của dây hội ngày 15 tháng 7 năm 2013 là 11.200.000 đồng (23.000.000 đồng- 11.800.000 đồng). Bà Ch còn nợ lại ông D số tiền hội chết của dây hội này là 7.500.000 đồng.

Tổng số tiền hội mà bà Ch còn nợ lại ông D là 18.700.000 đồng (11.200.000 đồng + 7.500.000 đồng), ông D có đòi nhiều lần nhưng bà Ch không trả.

Ngày 25 tháng 8 năm 2016, bà Ch có gửi cho bà Bùi Kim Phú (bà Năm Tiệm) ở chợ Thanh Bình số tiền là 3.000.000 đồng, ngày 20 tháng 9 năm 2016, bà Ch gửi cho bà Bùi Kim Phú số tiền là 2.500.000 đồng và ngày 20 tháng 10 năm 2016, bà Ch gửi cho bà Bùi Kim Phú số tiền là 2.500.000 đồng, tổng số tiền mà bà Ch gửi bà Bùi Kim Phú để trả cho ông D là 8.000.000 đồng, bà Ch còn nợ ông D số tiền là 10.700.000 đồng, ông D có đòi nhưng bà Ch cứ hẹn mà không trả cho ông D.

Khi ông D giao tiền hội cho bà Ch, ông D có giao giấy ghi tiền hót hội cho bà Ch.

Ngày 23 tháng 11 năm 2017, ông D có làm đơn gửi trưởng ấp Long Trường, xã Long Trì để giải quyết tiền hội, ngày 09 tháng 12 năm 2017 ban hoà giải ấp Long Trường tiến hành hoà giải nhưng không thành.

Nay ông D yêu cầu bà Ch trả cho ông D số tiền hội còn nợ là 10.700.000 đồng, yêu cầu bà Ch trả tiền lãi với lãi suất là 2%/tháng, thời gian tính lãi là 14 tháng, tiền lãi là 2.800.000 đồng, tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Ông D cung cấp chứng cứ là giấy xác nhận của bà Nguyễn Thị Tám, bà Trần Thị Ngọc Ánh, bà Phùng Thị Mỹ Dung và bà Nguyễn Thị Thu; danh sách hội viên hót hội của các dây hội.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Ch trình bày trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ngày 15 tháng 7 năm 2013, bà Ch có tham gia 02 phần hội do ông D làm chủ hội, hội 500.000 đồng/tháng, hội gồm 36 hội viên. Ngày 15 tháng 02 năm 2015, bà Ch hót một phần, bà Ch đã đóng được 20 lần hội sống, bà hót được số tiền là 15.250.000 đồng. Ngày 15 tháng 7 năm 2015, bà Ch hót phần hội thứ hai, bà Ch đã đóng được 25 phần hội sống, bà Ch hót được số tiền là 15.800.000 đồng. Bà Ch còn nợ lại ông D 11 phần hội chết của 02 phần hội với số tiền là 11.000.000 đồng.

Ngày 15 tháng 8 năm 2013, bà Ch có tham gia 01 phần hội do ông D làm chủ hội, hội 500.000 đồng/tháng, hội gồm 32 hội viên, bà Ch đóng hội đến kỳ hội thứ 15 là vào ngày 15 tháng 10 năm 2014 thì bà Ch hót hội, bà Ch hót được số tiền 13.900.000 đồng. Sau khi hót hội, bà Ch trừ vào khoản nợ mà dây hội ngày 15 tháng 7 năm 2013 bà Ch còn thiếu là 11.000.000 đồng, bà Ch còn dư số tiền 2.900.000

đồng. Bà Ch còn nợ số tiền hụi của đây hụi này là 17 phần hụi chết với số tiền là 8.500.000 đồng. Vậy số tiền mà bà Ch còn nợ ông D là 5.600.000 đồng.

Bà Ch đã 03 lần gửi tiền cho bà Bùi Kim Phú để trả cho ông D với tổng số tiền là 8.000.000 đồng.

Như vậy sau khi trừ số tiền mà bà Ch nợ ông D thì bà Ch còn thừa số tiền là 2.400.000 đồng.

Khi giao hụi, ông D chỉ đưa cho bà Ch giấy lịch ghi số tiền hốt hụi, hiện nay giấy giao hụi bị mất, bà Ch không cung cấp được giấy giao tiền hụi.

Nay ông D yêu cầu bà Ch trả cho ông D số tiền nợ hụi là 10.700.000 đồng, tính lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật thì bà Ch không đồng ý, vì bà Ch không còn nợ hụi của ông D mà bà Ch đã đóng cho ông D còn thừa số tiền 2.400.000 đồng. Bà Ch yêu cầu ông D phải trả cho bà Ch số tiền 2.400.000 đồng.

Bà Ch cung cấp chứng cứ là danh sách hụi viên của đây hụi thứ 03 và đây hụi thứ 04.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên trình bày: Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, hòa giải và xét xử.

Về nội dung: Yêu cầu của ông D là phù hợp với quy định tại Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông D, buộc bà Ch trả cho ông D số tiền hụi là 10.700.000 đồng. Tại phiên tòa, ông D yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật, ông D phải đi vay tiền của người khác để choàng hụi cho bà Ch, ông D không phải là người được hưởng tiền lời của hụi, mà do những hụi viên chưa hốt hụi hưởng, yêu cầu trả tiền lãi của ông D là phù hợp với Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn kiện bị đơn, tranh chấp hụi. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Nguyên đơn và bị đơn tham gia giao dịch hụi vào ngày 15 tháng 7 năm 2013, hụi gồm 36 phần và ngày 15 tháng 8 năm 2013, hụi gồm 32 phần, mỗi tháng khai hụi một lần, hụi có lãi, hụi hoa hồng, ngày mãn hụi là ngày 15 tháng 7 năm 2016 và ngày 15 tháng 4 năm 2016, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp.

[3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền đóng hụi còn nợ là 10.700.000 đồng, yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với lãi suất là 2%/tháng, thời gian

tính lãi là 14 tháng, tiền lãi là 2.800.000 đồng, tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn cho rằng đã đóng thừa tiền hội cho nguyên đơn và yêu cầu nguyên đơn trả cho bị đơn số tiền đóng thừa là 2.400.000 đồng.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự thỏa thuận thống nhất xác định bị đơn có tham gia các dây hội do nguyên đơn làm chủ hội như nguyên đơn trình bày. Các đương sự không thống nhất với nhau về ngày bị đơn lĩnh hội (hót hội) nên dẫn đến việc tranh chấp về số tiền đóng hội. Nguyên đơn không cung cấp được giấy nhận nợ của bị đơn, nguyên đơn cung cấp được danh sách hội viên lĩnh hội, tuy không có chữ ký của hội viên nhưng danh sách thể hiện rõ ngày hội viên lĩnh hội và các dây hội đã mãn. Theo danh sách hội viên lĩnh hội thì bị đơn lĩnh hội vào các ngày 15/8/2013, 15/11/2013 và ngày 15/11/2014. Bị đơn cho rằng bị đơn lĩnh hội vào các ngày 15/10/2014, 15/02/2015 và 15/7/2015, tuy nhiên theo danh sách hội và xác nhận của hội viên đã lĩnh hội thì vào các ngày 15/02/2015 và 15/7/2015 các phần hội do bà Nguyễn Thị Tám và bà Nguyễn Thị Thu lĩnh hội; theo danh sách hội của dây hội thứ 04 thì ngày 15/10/2014 do hội viên tên 02 Dư lĩnh hội. Tại biên bản hòa giải ngày 09 tháng 12 năm 2017 tại ấp Long Trường, xã Long Trì, huyện Châu Thành, tỉnh Long An thì bị đơn trình bày đóng thừa tiền hội cho nguyên đơn với số tiền là 400.000 đồng, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của bị đơn là có căn cứ. Vì vậy trình bày của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 27 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ, nên chấp nhận, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền đóng hội còn nợ là 10.700.000 đồng (mười triệu bảy trăm nghìn đồng). Bị đơn còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn trả cho bị đơn số tiền đóng hội thừa là 2.400.000 đồng.

[5] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với lãi suất là 2%/tháng, tiền lãi là 2.800.000 đồng, tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật, nguyên đơn không tính thành số tiền lãi cụ thể mà yêu cầu Hội đồng xét xử tính theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền đóng hội (hội chết), mỗi phần hội là 500.000 đồng là đã tính lãi của hội, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu tính lãi đối với số tiền đóng hội (hội chết) của nguyên đơn.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An về số tiền hội là có căn cứ nên chấp nhận. Riêng đối với yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn là không phù hợp như đã nhận định trên nên không chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn là thương binh hạng $\frac{1}{4}$, có đơn xin miễn án phí, nên thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận với số tiền là 535.000 đồng ($5\% \times 10.700.000$ đồng) và phần yêu cầu của bị đơn không được chấp nhận với số tiền là 300.000 đồng, theo quy định tại các Điều 12 và 26 của Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 235, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ;

- Áp dụng các Điều 12 và 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Phùng Văn D, buộc bà Nguyễn Thị Ch trả cho ông Phùng Văn D số tiền đóng hội còn nợ là 10.700.000 đồng (mười triệu bảy trăm nghìn đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành hoàn tất số tiền trên, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Phùng Văn D về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ch trả tiền lãi.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ch về việc yêu cầu ông Phùng Văn D trả cho bà Nguyễn Thị Ch số tiền đóng hội thừa là 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

3. Về án phí:

Ông Phùng Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 835.000 đồng (tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Ch đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002143 ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An, bà Nguyễn Thị Ch phải nộp thêm với số tiền là 535.000 đồng (năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Cơ quan thi hành án huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Tùng